

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/HNGĐ-ST
Ngày 04 - 02 - 2021.
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU - TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Trung Chiến.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Bình

Ông Trịnh Xuân Tháp

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Quyết Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Thái Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 365/2021/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2020, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 20 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/QĐST-HNGĐ ngày 14/01/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Bạch Trang T, sinh năm 1973;

Trú tại: số 1, ấp N, xã H, TP.B, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh Trần Minh Giàu, sinh năm 1973;

Trú tại: số 5, hẻm 2, đường số 1, xóm D, ấp 3, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

(Chị T có mặt, anh G vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn khởi kiện, quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị Bạch Trang T trình bày:**

Chị và anh Trần Minh G tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn và được UBND xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 53/2008 ngày 24/4/2008. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường

xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống và anh Giàu có tình cảm với người phụ nữ khác, từ đó gia đình thường xuyên cãi nhau. Anh chị đã ly thân được hơn một năm nay. Nay chị thấy Mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được, không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị xin được ly hôn với anh G.

Về con chung: Có 01 con chung tên là Trần Minh N, sinh ngày 25/12/2008. Khi ly hôn chị xin được nuôi dưỡng con chung không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn anh Trần Minh G không có lời khai tại tòa:**

*** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu phát biểu ý kiến:**

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng.

Về đường lối giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Tòa án chấp nhận cho chị Lê Thị Bạch Trang T được ly hôn với anh Trần Minh G.

Về con chung: Giao con chung tên là Trần Minh N, sinh ngày 25/12/2008 cho chị T nuôi dưỡng, tạm thời anh G không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung không yêu cầu tòa giải quyết và nợ chung đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Buộc chị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

1.1. Căn cứ Điều 28; 35; 39 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định căn cứ vào nơi cư trú của bị đơn, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu.

1.2. Anh Trần Minh G được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt anh G.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Về quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị Bạch Trang T và anh Trần Minh

G là hợp pháp vì hai bên tự nguyện, được cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định, nên được pháp luật bảo vệ.

2.2. Yêu cầu của chị T xin được ly hôn với anh G. Vì chị T cho rằng cuộc sống của vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do anh G có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác dẫn đến gia đình mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Xét thấy mâu thuẫn giữa anh, chị là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn đoàn tụ được, nên cho chị T được ly hôn với anh G là phù hợp với quy định của pháp luật.

Tại hồ sơ không có lời khai của anh G, Tòa án cùng địa phương đã xuống nhà anh G làm việc, nhưng không có kết quả, qua xác minh tại địa phương và công an khu vực, thể hiện anh G vẫn đang còn sinh sống tại địa phương. Vì vậy đây được coi như anh G tự tước bỏ quyền trình bày tại Tòa.

2.3. Về con chung: Chị T xin được nuôi dưỡng con chung phù hợp với nguyện vọng của cháu N, nên giao cho chị T được quyền nuôi dưỡng cháu Trần Minh N, sinh ngày 25/12/2008.

Về cấp dưỡng nuôi con tạm thời anh G không phải cấp dưỡng nuôi con.

2.4. Về tài sản chung không yêu cầu tòa án giải quyết và nợ chung: Chị T trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3]. Về án phí sơ thẩm: Buộc chị T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

[4]. Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28; 35; 39; 147, điểm b, khoản 2, Điều 227; 269; 271; 273; 278; 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56; 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 91 Luật hôn nhân gia đình năm 2000. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Cho chị Lê Thị Bạch Trang T được ly hôn với anh Trần Minh G.

2. Về con chung:

- Giao cháu Trần Minh N, sinh ngày 25/12/2008 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

- Buộc anh G phải có trách nhiệm giao cháu N cho chị T chăm sóc nuôi dưỡng.

- Tạm thời anh G không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Anh Trần Minh G có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở anh G thực hiện quyền này. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

4. Nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Lê Thị Bạch Trang T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu số 0003277 ngày 14/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu. Chị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Chị Lê Thị Bạch Trang T có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Riêng anh Trần Minh G có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Vĩnh Cửu;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- UBND xã T;
- Chi cục THADS H Vĩnh Cửu;
- Lưu: Hồ sơ, Lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Trung Chiến